TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 121/2022/HNGĐ-ST Ngày 04-11-2022 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lộc

Bà Nguyễn Thị Di

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Huyến - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Hồng O, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: 8P4, khu phố L, thị trấn Đ, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: 8P4, khu phố L, thị trấn Đ, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà O có đơn xin vắng mặt, ông S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tro*ng đơn khởi kiện và các văn bản làm việc tại tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị Hồng O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bà Trịnh Thị Hồng O và ông Nguyễn Thanh S yêu thương và đi đến cưới nhau năm 2005, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2005, tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 257, ngày 06- 12-2005. Trong thời gian chung sống bà O và ông S thường đã xảy ra cãi vả, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và không thể hàn gắn được. Thấy không còn tình cảm nữa, nên bà O mong muốn được Tòa án huyện Long Điền giải quyết cho bà O được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

Về con chung và cấp dưỡng: Bà Bà Trịnh Thị Hồng O và ông Nguyễn Thanh S có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Yến T, sinh ngày 14-01-2006 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 02/7/2008. Bà O yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà O, Tòa án triệu tập ông S để làm việc nhưng ông S không đến Tòa để làm việc. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà O và ông S ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trịnh Thị Hồng O. Về con chung: Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Nguyễn Thị Yến T và Nguyễn Thanh N nên cần giao cháu T và cháu N cho bà O tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con do bà O không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà O xác định yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông S được xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Nơi cư trú của ông Nguyễn Thanh S ở thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Hồng O và ông Nguyễn Thanh S sống chung với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06-12-2005, tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được. Qúa trình tố tụng ông S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của N đơn. Việc ông S cố tình vắng mặt cho thấy không có thiện chí hòa giải đoàn tụ mà bỏ mặc cho mâu thuẫn đến đâu thì đến. Theo kết quả xác minh ông S đang sinh sống tại địa phương nhưng quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm rõ. Bà O cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn trong khi đó ông S cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, ông S không có thiện chí hàn gắn tình cảm, bà O kiên quyết xin ly hôn cho thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân Gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của bà O là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng: Bà O yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Yến T, sinh ngày 14-01-2006 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 02/7/2008 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu T và cháu N đang còn nhỏ, bà O có nguyện vọng nuôi dưỡng và hiện nay Cháu T và cháu N đang ở với bà O nên giao cho bà O trực tiếp giáo dục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Việc bà O không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà O là N đơn nên phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Hồng O về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với ông Nguyễn Thanh S.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Hồng O được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

1.2 Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Nguyễn Thị Yến T, sinh ngày 14-01-2006 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 02/7/2008 cho bà Trịnh Thị Hồng O trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Nguyễn Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà O không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trịnh Thị Hồng O phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008971 ngày 01-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. "Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Công Hiếu

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND xã Phước tỉnh (số 257, ngày 06-12-2005;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.